TỪ MỘT THỬ NGHIỆM - DỰ ÁN DISCOVERY - CHO SINH VIÊN CHẤT LƯỢNG CAO KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH: GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ CHO TƯƠNG LAI

Nguyễn Thu Lệ Hằng*

Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 25 tháng 10 năm 2018
Chỉnh sửa ngày 26 tháng 11 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 11 năm 2018

Tóm tắt: Bài viết này trình bày một dự án thử nghiệm cho sinh viên năm thứ nhất Hệ Chất lượng cao, Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Dự án áp dụng mô hình học tập của thế kỷ 21 và theo định hướng giáo dục chuẩn bị cho tương lai. Bài viết chia sẻ kết quả khảo sát ban đầu trước khi thực hiện dự án, hứng thú và mức độ đầu tư của người học và những kỹ năng, năng lực cần thiết để thực hiện dự án, cũng như những kết quả học tập mong đợi.

Từ khoá: giáo dục chuẩn bị cho tương lai, mô hình học tập thế kỷ 21, năng lực toàn cầu

1. Mở đầu

Tháng 10 năm 2017, tôi có cơ hội tham gia một khoá học ngắn hạn về Giáo dục cách tân (Innovative education) tại Israel. Trong khoá học này, chúng tôi được thăm quan một số cơ sở đào tạo như trường tiểu học, trung học, trung tâm bồi dưỡng giáo viên và Phòng Công nghệ thuộc Bộ Giáo dục Israel. Qua những điều được nghe (thuyết trình, bài giảng) và quan sát (các hoạt động học tập tại trường), tôi nhận thấy các nhà giáo dục ở Israel thật sự đang áp dụng những triết lý mới, những cách tiếp cận mới, thậm chí những hoạt động mà Việt Nam chúng ta đã và đang làm thì ở họ vẫn có những yếu tố mới và thể hiện tính chuyên nghiệp cao.

Điều mà tôi tâm đắc nhất là việc cả hệ thống giáo dục của Israel, theo một cách thức hoạt động như một chỉnh thể, áp dụng định hướng "giáo dục chuẩn bị cho tương lai" (Futurism hay Futuristic approach). Thú vị là sau khoá học này, trong quá trình tổ chức cho sinh viên thực hiện Dự án Bài tập nhóm dựa trên nội dung chuyên ngành (Content-based group project) mà tôi đã báo cáo tại Hội thảo liên ngành về Ngôn ngữ và Giảng dạy Ngôn ngữ tại Đại học Huế tháng 11 năm 2017, một số nhóm làm về chủ đề Công nghệ đều chọn chủ đề hẹp liên quan đến trí tuệ nhân tạo và những thách thức của nó. Nhằm trang bị cho mình kiến thức căn bản để bình luận, góp ý sát hơn cho các nhóm trong năm học sau, và cũng vì thích thú, tôi đã tham dự một hội thảo của Viện Công nghệ châu Á tại Việt Nam với chủ đề "Hội thoại 4.0" tổ chức tháng 12 năm 2017, và tìm đọc các bài báo liên quan đến những thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như những gì người trẻ cần trang bị cho mình để bước vào thế kỷ 21, thế kỷ có thể gọi là "số hoá" này.

Tôi đã suy nghĩ về khả năng áp dụng cách tiếp cận của các nhà giáo dục Israel - định

* ĐT.: 84-919345269
Email: hang.nguyenthule@gmail.com

hướng giáo dục chuẩn bị cho tương lai, và cụ thể là chuẩn bị cho sinh viên theo từng bước, giúp họ có kỹ năng tự học để đối diện với những thách thức của thế kỷ 21. Dự án mà tôi trình bày trong bài viết này là một thử nghiệm theo định hướng đó.

2. Bối cảnh

Nhóm đối tượng của thử nghiệm này là 2 lớp sinh viên Hệ Chất lượng cao, Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Thử nghiệm này được tiến hành vào học kỳ thứ 2 trong số 4 kỳ học dành cho khối kiến thức tiếng.

Là giáo viên trực tiếp dạy môn 2B* cho 2 lớp A và B, tôi nhận thấy các em tuy là sinh viên năm thứ nhất nhưng năng lực tiếng Anh đã rất tốt. Học kỳ 1 lớp A có 5/18 em được phủ điểm 10, lớp B có 1/20 em được phủ điểm 10, tức là các em đều có chứng chỉ thi quốc tế hoặc VSTEP (Vietnamese Standardized Test of English Proficiency - bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) đạt hoặc vượt yêu cầu miễn thi. Số sinh viên khác tuy chưa có chứng chỉ thi quốc tế nhưng những gì các em thể hiện qua các hoạt động có đánh giá trong học kỳ 1 đều rất tốt, điểm đánh giá thường xuyên cuối kỳ dao động trong khoảng điểm 8-10. Có thể thấy xuất phát điểm về năng lực tiếng của sinh viên năm thứ nhất như vậy là bằng với các trường đại học quốc tế và khu vực, khi sinh viên cần đạt yêu cầu đầu vào tiếng Anh là 6.0 IELTS để theo học chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tuy vậy, nhóm sinh viên này cũng thể hiện một số khiếm khuyết. Theo như tôi quan sát được, và điều này cũng được chia sẻ bởi rất nhiều giáo viên khác, ở các bộ môn khác và khoa khác trong trường, đó là sinh viên của chúng ta rất lười đọc, vì thế các hoạt động trên lớp chưa sâu, kiến thức chung của các em cũng hạn chế, nhiều em còn không biết có chuyện gì đang diễn ra trên đất nước mình. Từ môi trường trung học phổ thông chuyển sang môi trường đại học, đa số sinh viên chưa được trang bị các kỹ năng mềm cần thiết như thuyết trình, viết báo cáo, tư duy suy xét phản biện, làm việc nhóm, quản lý thời gian… Sau một kỳ học tại Hệ Chất lượng cao, các em đã phát triển rất nhanh nhiều kỹ năng cơ bản, nhưng vẫn còn cần xây dựng những kỹ năng và năng lực cao hơn, nhằm hỗ trợ học tập và hướng tới đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng và phẩm chất của chương trình đào tạo.

Đây là cơ sở thực tiễn để tôi thiết kế và đưa vào thử nghiệm bài tập dự án khám phá, nhằm đạt 3 mục tiêu: nâng cao năng lực tiếng, trang bị kiến thức liên ngành, và phát triển các kỹ năng và phẩm chất cho sinh viên, nhằm chuẩn bị cho công việc tương lai của họ.

3. Cơ sở lý luận

Trong gần hai thập kỷ đầu của thế kỷ 21, các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục đã công bố những bài viết và những kết quả nghiên cứu của mình, liên quan đến vai trò của giáo dục đại học với việc đào tạo nguồn nhân lực phù hợp và thích ứng được với những thay đổi của tổ chức cũng như những thách thức của kỷ nguyên mới. Nhiều tác giả và nhóm tác giả tập trung vào mối tương quan giữa giáo dục đại học và các nhà tuyển dụng, qua đó xác định những gì giáo dục đại học cần trang bị cho người học (ví dụ: Harvey, 2000; Andrews & Higson, 2008; Hernández - March và nhóm tác giả, 2009; Anderson & McCune, 2013). Harvey (2000) cho rằng các tổ chức trong thế kỷ 21 sẽ năng động hơn nhiều, vì thế họ cần những nhân viên năng động và được trao quyền nhiều hơn. Điều này đòi hỏi việc học tập tại đại học cần phải mang tính chuyển đổi và người học cũng được trao quyền. Theo tác giả, giáo dục đại học có thể làm việc này thông qua việc rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời. Fisher (2000) cũng chia sẻ quan điểm này. Ông đề xuất là cộng đồng

các nhà giáo dục cần theo đuổi khái niệm mục tiêu của giáo dục nhà trường là (1) chuẩn bị cho sinh viên gia nhập cuộc sống trong một xã hội tri thức, và (2) trang bị cho sinh viên những kỹ năng học giúp họ thích ứng với một xã hội liên tục thay đổi.

Vẫn theo mạch nghiên cứu về vai trò của giáo dục, bao gồm giáo dục đại học, trong việc chuẩn bị cho sinh viên gia nhập thị trường lao động, nhiều tác giả đã công bố những nghiên cứu khá tương đồng về quan điểm và kết quả. Trong nghiên cứu của Velasco (2012) về những phẩm chất và kỹ năng mà nhà tuyển dụng đánh giá cao ở các ứng viên, kết quả cho thấy các kỹ năng mềm bao gồm cả tính cách và các phẩm chất khác của sinh viên là những phẩm chất được nhấn mạnh trong quá trình tuyển dụng. Cụ thể hơn, Andrews và Higson (2008) trong nghiên cứu của mình, ở phạm vi châu Âu, đã tổng hợp các kỹ năng và năng lực "mềm" và "có thể chuyển giao" mà sinh viên cần để nâng cao khả năng được tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Nhóm kỹ năng và năng lực đó là:

- Sự chuyên nghiệp
- Độ tin cậy
- Khả năng đối phó với những tình huống không chắc chắn
- Khả năng làm việc dưới áp lực
- Khả năng lập kế hoạch và suy nghĩ một cách chiến lược
- Khả năng giao tiếp và tương tác với những người khác, thông qua làm việc nhóm hay trong mạng lưới
- Kỹ năng giao tiếp viết và nói
- Kỹ năng giao tiếp công nghệ thông tin
- Khả năng sáng tạo và tự tin
- Kỹ năng quản lý bản thân và quản lý thời gian hiệu quả
- Sự sẵn sàng học hỏi và nhận trách nhiệm

(Andrews & Higson, 2008)

Thế kỷ 21 đến với những tiến bộ nhanh chóng của công nghệ đánh dấu sự ra đời của kỷ nguyên số hoá và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng là các hệ thống không gian mạng, internet vạn vật cho phép kết nối không cần tương tác trực tiếp, và điện toán đám mây (Trương, 2018; Nguyen, 2018). Trong các xuất bản của mình, Fullan (2010, 2011) đã dự đoán tới năm 2020 thì 70% các nghề nghiệp quen thuộc sẽ biến mất và một nửa số các nghề nghiệp trong tương lai thì hiện nay chưa xuất hiện, hay là 65% trẻ em nhập học tiểu học hôm nay cuối cùng sẽ làm những loại công việc mà hiện nay còn chưa có. Fullan cũng cho rằng các tổ chức sẽ cần những nhân viên là những người có khả năng học nhanh và giỏi kỹ năng. Gần đây nhất, Diễn đàn Kinh tế Thế giới cũng dự đoán rằng tới năm 2020, 44% các tác nhân thay đổi đối với thị trường lao động sẽ đến từ việc công việc linh hoạt hơn và bản chất công việc thay đổi (World Economic Forum, 2016). Diễn đàn này cũng chỉ ra rằng các tác động của những thay đổi toàn cầu này đã có thể cảm nhận được.

Có thể nói, giáo dục ở mọi nơi trên thế giới đang cùng đối diện với những thách thức toàn cầu như việc quốc tế hoá giáo dục, sự cạnh tranh đa văn hoá, cách mạng công nghiệp 4.0 và những công việc trong tương lai phù hợp với công nghiệp 4.0. Rõ ràng, các nhà giáo dục cần chuẩn bị cho các học viên của mình để họ đối diện với thị trường lao động trong tương lai.

Trong bài báo với 3 câu chuyện về người trẻ cần làm gì để sống sót trong kỷ nguyên của cách mạng công nghiệp/ công nghệ 4.0 hay Trí tuệ nhân tạo (AI), giáo sư Trương Nguyện Thành đã nhấn mạnh vai trò của việc khai mở tư duy sáng tạo và tưởng tượng, bởi theo ông kiểu tư duy này là thứ duy nhất con người hiện nay đang hơn robot, "trí tưởng tượng là sự kết nối không nguyên tắc giữa những kiến thức đã nhận được" (Truong, 2018). Sự kết nối

các kiến thức chính là một trong những năng lực toàn cầu mà chúng ta sẽ cần đến để tồn tại trong thế kỷ 21. Theo giáo sư Worsak Kanok-Nukulchai của Viện công nghệ châu Á thì các năng lực toàn cầu cần thiết bao gồm:

- Những góc nhìn quốc tế (international perspectives)
- Khả năng giao tiếp sử dụng công nghệ thông tin (ICT fluency)
- Khả năng tư duy cách tân (Innovative mindset)
- Sự phù hợp với công nghiệp (Industrial relevance)
- Năng lực liên ngành (Interdisciplinary competence)

(Kanok-Nukulchai, 2017)

Những năng lực toàn cầu này so với nhóm kỹ năng và năng lực mà Andrews và Higson đã tổng hợp trong nghiên cứu tại châu Âu của họ thể hiện sự toàn diện hơn và bắt kịp với những xu hướng phát triển toàn cầu hơn. Tuy nhiên, việc làm thế nào để trang bị cho sinh viên những năng lực này, khi mà giáo dục của chúng ta (kể cả những nước phát triển và nổi bật về cách tân giáo dục như Israel) vẫn còn là giáo dục 1.0 hay 2.0 và môi trường giáo dục vẫn còn là của thế kỷ 19 (Tran & Swierczek, 2009; Tran, 2013; Yamburg, 2017) là một thách thức lớn.

Mô hình học tập của thế kỷ 21 mà Yamburg (2017) giới thiệu trong khoá học về Giáo dục cách tân, cho đoàn các nhà giáo dục và quản lý giáo dục của Việt Nam, có thể là giải pháp hướng tới trang bị những năng lực toàn cầu cho sinh viên Việt Nam.

Nghiên cứu thử nghiệm - Dự án Discovery mà tôi trình bày trong bài báo này thể hiện việc áp dụng mô hình học tập này.

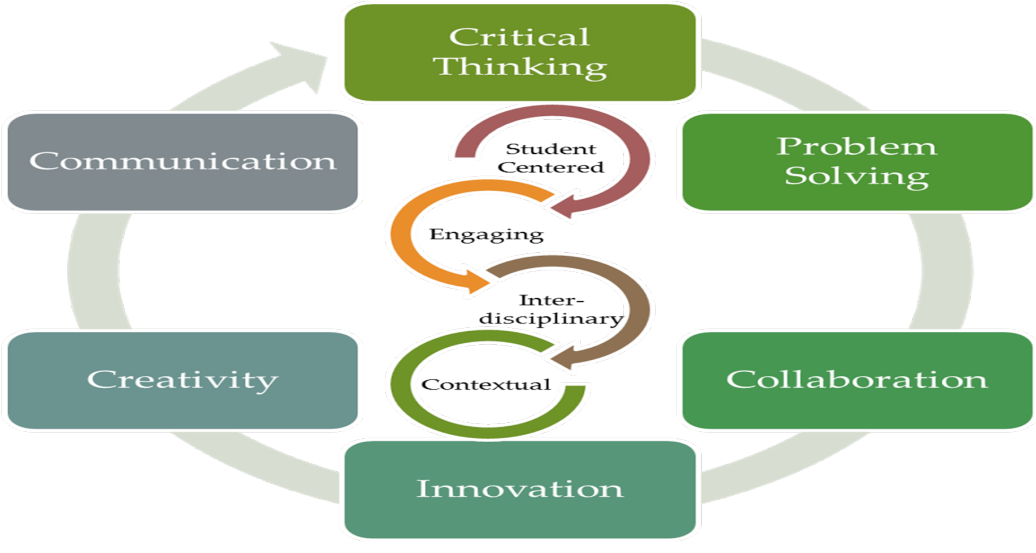

Hình 1. Mô hình học tập của thế kỷ 21 (Yamburg, 2017)

Chú thích: *Critical thinking - Tư duy phê phán; Problem solving - Giải quyết vấn đề; Collaboration - Hợp tác; Innovation - Cách tân; Creativity - Sáng tạo; Communication - giao tiếp; Student-centered – Lấy người học làm trung tâm; Engaging - Lôi cuốn người học vào các hoạt động học tập; Inter-disciplinary - Liên ngành; và Contextual - Phù hợp bối cảnh.*

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Mục tiêu nghiên cứu

Dự án Discovery được thiết kế nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển các kỹ năng và năng lực cần thiết cho việc học tập và tương lai là làm việc trong bối cảnh toàn cầu thay đổi. Đây là bài tập nhóm, không đánh giá chính thức, nhằm khuyến khích người học tìm hiểu về những lĩnh vực chuyên môn gắn với nội dung, đồng thời có được hứng thú trong việc học khám phá, do không phải chịu áp lực điểm số. Bài tập nằm trong môn học 2B* của Hệ cử nhân Chất lượng cao, thuộc khối kiến thức tiếng, hợp phần Kỹ năng Nói[1].

Trong nghiên cứu này, mục đích cơ bản là tìm hiểu góc nhìn của người học đối với trải nghiệm học tập qua dự án, trong tương quan với việc phát triển các kỹ năng và năng lực để đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Các câu hỏi nghiên cứu bao gồm:

1. Việc thực hiện dự án Discovery đòi hỏi và giúp sinh viên phát triển những kỹ năng và năng lực nào?

2. Thông qua việc thực hiện dự án Discovery, sinh viên đã đạt được những kết quả học tập mong đợi nào?

3. Cần có những điều chỉnh gì để dự án trở thành một trải nghiệm học tập hiệu quả hơn?

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chia làm 2 phần: Phần thực nghiệm và Phần đánh giá hiệu quả. Phần thực nghiệm được dựa trên lý thuyết Học tập theo dự án của Diane Curtis (2001, 2002), gồm 3 bước chính: Định hướng và lập kế hoạch (Orientation and Planning); Nghiên cứu và triển khai (Research and Implementation); và Chia sẻ kết quả (Sharing results).

Cụ thể ở phần thực nghiệm, theo tác giả Curtis (2001, 2002), trong bước 1, người học sẽ làm việc theo nhóm, động não và chia sẻ các ý tưởng ban đầu liên quan đến chủ đề, và ra quyết định về chủ đề. Trong bước này, giáo viên cần định hướng cho người học về format của hoạt động như những nội dung nào cần đưa vào, ai nên chịu trách nhiệm việc gì, các nguồn ngữ liệu nào nên được sử dụng. Trong bước 2, các nhóm sẽ chuyển sang các hoạt động tiếp theo như nghiên cứu tìm thông tin, phân tích xử lý thông tin theo format nhóm đã lựa chọn, để chuẩn bị cho phần showcase của nhóm mình. Mặc dù các nhóm hoạt động độc lập ngoài lớp học, nhưng giáo viên có vai trò của chuyên gia tư vấn, có thể quyết định có trợ giúp không, và trợ giúp như thế nào, ví dụ: giúp về ngữ liệu hay giải quyết vấn đề. Cuối cùng, bước 3 là các nhóm chia sẻ kết quả thông qua hình thức showcase cho cả lớp.

Ở Dự án Discovery này, trong bước 1 Định hướng (Phụ lục 2) và lập kế hoạch, tôi chỉ định chủ đề cho các nhóm, và sinh viên được tự chọn bạn làm việc cùng (tối đa 4 sinh viên/nhóm). Đây là điểm khác biệt, nhằm tạo cân bằng cho các hoạt động lớn của học kỳ. Với hai hoạt động chính và được đánh giá (Bài nói thuyết phục và Diễn đàn) thì sinh viên buộc phải làm việc với các thành viên ngẫu nhiên, và được tự chọn chủ đề. Một lý do quan trọng nữa của việc giáo viên chỉ định chủ đề chứ sinh viên không được tự chọn là: nếu là bài tập được đánh giá chính thức, sinh viên sẽ chọn chủ đề vừa sức để dễ lấy điểm cao hơn, còn đây là bài tập không đánh giá, nên sẽ là cơ hội tốt để người học thực sự khám phá (đúng như tên gọi của dự án) một chủ đề đương đại, có tính thời sự cao, và vì thế có thể khó và nếu được quyền chọn, sinh viên sẽ không bao giờ đụng đến. Các chủ đề được chỉ định nằm dưới các theme lớn của học kỳ, như vậy Dự án Discovery sẽ là bài tập 3 trong 1,

[1] Hai bài tập được đánh giá của hợp phần Kỹ năng Nói là 1) Bài nói thuyết phục - bài tập cá nhân; và 2) Diễn đàn - bài tập nhóm

phát triển năng lực tiếng, nâng cao kiến thức liên ngành về các lĩnh vực, và phát triển các kỹ năng phẩm chất cần thiết cho tương lai.

Phần đánh giá hiệu quả của Dự án Discovery được thực hiện ở đầu và cuối học kỳ II của năm học 2017-2018. Kết quả được dựa trên việc phân tích dữ liệu từ hai nguồn chính là Phiếu khảo sát ý kiến người học trước và sau khi thực hiện dự án (định lượng) và Phỏng vấn nhóm (định tính). Các công cụ thu thập dữ liệu có trong Phụ lục 1.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Giai đoạn thực nghiệm

Như đã trình bày trong phần Phương pháp nghiên cứu, với dự án này sinh viên được tự chọn thành viên mình muốn hợp tác nhưng lại chỉ được bốc thăm chọn 1 trong 5 chủ đề giáo viên chỉ định. Các chủ đề đó là:

1. Travel and Tourism: Son Doong Cave

(Du hành và Du lịch: Hang Sơn Đoòng)

2. Culture and Life styles: Coco and Despacito

(Văn hoá và Lối sống: phim Coco và bài hát Despacito)

3. Entrepreneurship: Israel, the start-up nation

(Khả năng làm chủ doanh nghiệp: Israel, quốc gia khởi nghiệp)

4. History: The Vietnam War

(Lịch sử: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước)

5. Social and Global issues: Industrial revolution 4.0

(Các vấn đề xã hội và toàn cầu: Cách mạng công nghiệp 4.0)

Sở dĩ tôi chỉ định chủ đề mà không cho sinh viên tự chọn như với các bài tập lớn khác, vì muốn các em tìm hiểu về những chủ đề quan trọng tuy có thể chưa hợp với sở thích của các em. Việc này sẽ tạo thách thức lớn hơn, nhưng sẽ giúp các em phát triển tư duy suy xét/ phản biện cho những vấn đề đương đại được nhiều người quan tâm.

Để chuẩn bị cho phần showcase, các nhóm được yêu cầu gửi cho giáo viên ý tưởng kịch bản, trước ít nhất 1 tuần. Sau khi ý tưởng được duyệt, các nhóm sẽ tiến hành tìm kiếm thông tin, cấu trúc bài showcase của nhóm mình. Ví dụ, đối với Discovery 1 thì hai lớp chọn hình thức talkshow, còn với Discovery 2 (đang trong giai đoạn chuẩn bị) thì một lớp tiếp tục chọn talkshow nhưng lồng ghép luôn phần đối thoại với khán giả trong trường quay, còn một lớp chọn hình thức tranh luận giữa 4 nhà báo về việc sẽ đăng bài về sự kiện văn hoá nổi bật nào của năm 2017 (Coco hay Despacito).

Mỗi phần showcase kéo dài tối đa 30 phút, sau đó là phần phản hồi của cả lớp và giáo viên. Phần chốt bài sẽ là các thuật ngữ nổi bật liên quan đến chủ đề đó.

5.2. Kết quả khảo sát trước khi triển khai dự án

Tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên trước khi triển khai dự án, chính xác là sau khi giới thiệu về bài tập này, chia nhóm và bốc thăm chủ đề xong. Phiếu khảo sát được phát trực tiếp trên lớp, trong đó có 4 câu hỏi về: (1) hứng thú ban đầu với dự án; (2) dự kiến mức độ đầu tư về mặt thời gian và công sức; (3) những kỹ năng cần thiết để thực hiện dự án; và (4) mục tiêu học tập mong đợi. Tổng cộng có 38 phiếu điều tra được phát ra và thu về.

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy:

(1) 11% sinh viên rất hứng thú, 52% sinh viên hứng thú, còn 34% hứng thú ở mức vừa phải và 3% không hứng thú lắm. Mặc dù đây là bài tập không đánh giá nhưng số liệu này cho thấy đa số sinh viên có hứng thú với bài tập. Hy vọng đây sẽ là động lực bên trong để các em tìm hiểu khám phá về chủ đề.

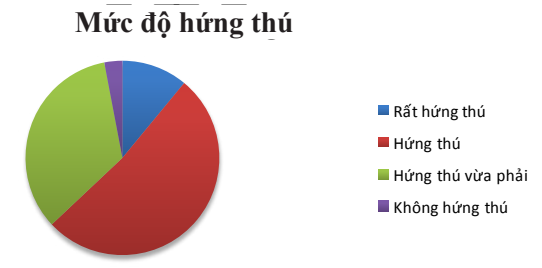

(2) 11% sinh viên cho rằng cần rất nhiều đầu tư cho dự án, 58% cho rằng cần nhiều, 26% dự kiến mức vừa phải và 5% dự kiến mức đầu tư không nhiều. Kết quả này thể hiện việc sinh viên hình dung trước được khối lượng công việc cần làm, có thể dựa trên kinh nghiệm từ bài tập trong học kỳ I.

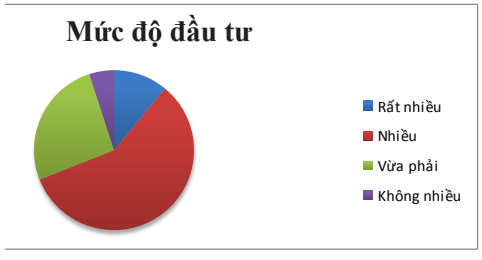

(3) Trong số 11 kỹ năng mềm thì chỉ có 2 kỹ năng được chọn với tỉ lệ thấp hơn 50% là Chọn phe trong tranh biện 26% và Làm phim 45%. Còn 9 kỹ năng khác được lựa chọn với tỉ lệ cao, xếp thứ tự từ cao nhất 100% đến thấp nhất 66% là: Tìm kiếm thông tin, Đọc rộng, Làm việc nhóm/Phối hợp, Giao tiếp (cho nhận phản hồi qua email/group chat), Quản lý thời gian, Tư duy suy xét/phản biện, Giải quyết vấn đề và ra quyết định, Thiết kế slide, và Chọn góc nhìn. Do sinh viên đã có kinh nghiệm thiết kế slide nên kỹ năng này tỉ lệ chọn là 76% có thể lý giải được. Tuy vậy, tỉ lệ 66% cho kỹ năng khó là Chọn góc nhìn sẽ cần được tham khảo thêm trong Phỏng vấn nhóm cuối học kỳ. Trong phần kỹ năng do sinh viên tự đề xuất, các em nêu thêm: khả năng sáng tạo; cách thuyết trình theo nhiều format khác nhau như talkshow, kịch; kỹ năng sắm vai role-play; khả năng phân loại các nguồn thông tin… Trong Phỏng vấn nhóm cuối kỳ, tôi sẽ chú ý những điểm nêu thêm này.

Bảng 1. Kỹ năng cần thiết để thực hiện dự án

STT	Kỹ năng cần thiết để thực hiện dự án	% chọn
1	Tìm kiếm thông tin	100
2	Đọc rộng	95
3	Làm việc nhóm/ Phối hợp	92
4	Giao tiếp (tương tác qua email, group chat)	92
5	Quản lý thời gian	89
6	Tư duy suy xét/ phản biện	87
7	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	79
8	Thiết kế slide	76
9	Chọn góc nhìn (perspective)	66
10	Làm phim	45
11	Chọn phe trong tranh biện	26

(4) Cả 4 kết quả học tập mong đợi đề xuất đều có tỉ lệ chọn cao, trong đó Thu nhận thông tin mới về một chủ đề nhất định 95%, Tăng cường việc học tập khám phá và tương tác 82%, Xây dựng góc nhìn mới về một chủ đề nhất định 79%, và Sử dụng công nghệ

thông tin trong việc học/học ngoại ngữ 76%. Hy vọng dự án sẽ đáp ứng được các mục tiêu mong đợi này của sinh viên. Ngoài ra, sinh viên đưa thêm các mục tiêu mong đợi như: Khai thác thông tin và ngữ liệu cho các kỹ năng (viết, nói) và các môn học khác; Phát triển óc tưởng tưởng và sáng tạo; Vượt qua e ngại để tìm hiểu kỹ về một chủ đề mới; và Tăng cường hiệu quả làm việc nhóm.

Bảng 2. Kết quả học tập mong đợi

STT	Kết quả học tập mong đợi	% chọn
1	Thu nhận thông tin mới về một chủ đề nhất định	95
2	Tăng cường việc học tập khám phá và tương tác	82
3	Xây dựng góc nhìn mới về một chủ đề	79
4	Sử dụng công nghệ thông tin trong học và học ngoại ngữ	76

5.3. Kết quả khảo sát sau khi triển khai một chu kỳ dự án

Cuối học kỳ II năm học 2017-2018, sau khi các nhóm đã hoàn thành một vòng Dự án Discovery, tôi đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn nhóm. Trong khảo sát sau dự án này, một số ý kiến khác của sinh viên được bổ sung vào bảng hỏi. Dữ liệu định lượng tiếp tục trả lời cho câu hỏi nghiên cứu (1), dữ liệu định tính trả lời cho câu hỏi nghiên cứu (2) và (3).

Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát cho thấy:

Sinh viên đã áp dụng những kỹ năng nào, kỹ năng nào còn gặp khó khăn khi áp dụng, và kỹ năng nào đã được nâng cao: 100% các kỹ năng được hỏi đã được sinh viên chọn "đã áp dụng", tuy vậy mức độ áp dụng phân chia thành hai nhóm: "áp dụng còn gặp khó khăn" và "áp dụng và có cải thiện". Như bảng 3 dưới đây cho thấy, top 5 các kỹ năng mà sinh viên còn gặp khó khăn khi áp dụng là: Ghi chép các ý quan trọng từ các nguồn nghe audio/video, làm phim, chọn phe trong tranh biện, quản lý thời gian, sử dụng các dạng thuyết trình sáng tạo, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Trong các kỹ năng mà sinh viên ít gặp khó khăn nhất có: Làm việc nhóm, thiết kế slide, tư duy phản biện, và tìm kiếm thông tin. Điều này có thể lý giải được, do qua một học kỳ nữa với rất nhiều bài tập lớn của các môn tiếng, sinh viên cũng rèn luyện chính những kỹ năng này. Tuy vậy, việc sinh viên không còn gặp nhiều khó khăn khi phản biện thông tin/ ý tưởng là một tín hiệu đáng mừng.

Bảng 3. Các kỹ năng đã áp dụng và còn gặp khó khăn

STT	Kỹ năng đã áp dụng và còn gặp khó khăn	% chọn
1	Ghi chép các ý quan trọng (từ các audio/video clips)	30
2	Làm phim	25
3	Chọn phe trong tranh biện	20
4	Quản lý thời gian	15
5	Sử dụng các dạng thuyết trình sáng tạo, ví dụ: đóng kịch, talkshow, triển lãm…	12.5
6	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	12.5
7	Xử lý thông tin: lọc, phân loại, xếp nhóm…	10
8	Chọn góc nhìn (perspective)	10

9	Giao tiếp (tương tác qua email, group chat)	10
10	Đọc rộng	10
11	Làm việc nhóm/ Phối hợp	5
12	Thiết kế slide	2.5
13	Tư duy suy xét/ phản biện	2.5
14	Tìm kiếm thông tin	0

Bảng 4 dưới đây trình bày kết quả chọn của sinh viên với những kỹ năng mà họ đã áp dụng và đã nhận thấy sự tiến bộ, cải thiện của mình. Một điều thú vị là nhóm các kỹ năng mà sinh viên ít gặp khó khăn (bảng 3) cũng khá tương đồng với nhóm các kỹ năng mà sinh viên nhận thấy sự cải thiện (bảng 4), cho thấy mặt bằng chung nhỉnh hơn của nhóm các kỹ năng này, bao gồm: Đọc rộng, Làm việc nhóm/phối hợp, Tư duy phản biện, Thiết kế slide, Tìm kiếm thông tin, và Xử lý thông tin. Hai kỹ năng ít được cải thiện hơn là: Làm phim - do ít nhóm sử dụng, và Ghi chép các ý quan trọng từ nguồn ngữ liệu audio/video - cho thấy Nghe vẫn là kỹ năng (macro skill) mà sinh viên cần rèn luyện nhiều hơn so với các kỹ năng Nói, Viết, Đọc.

Bảng 4. Các kỹ năng đã áp dụng và đã được cải thiện

Stt	Kỹ năng đã áp dụng và được cải thiện	% chọn
1	Đọc rộng	52.5
2	Làm việc nhóm/ Phối hợp	50
3	Tư duy suy xét, phản biện	47.5
4	Xử lý thông tin: lọc, phân loại, xếp nhóm…	45
5	Thiết kế slide	42.5
6	Tìm kiếm thông tin	42.5
7	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	40
8	Giao tiếp (tương tác qua email, group chat)	40
9	Sử dụng các dạng thuyết trình sáng tạo, ví dụ: đóng kịch, talkshow, triển lãm…	37.5
10	Chọn góc nhìn (perspective)	35
11	Chọn phe trong tranh biện	30
12	Quản lý thời gian	25
13	Làm phim	10
14	Ghi chép các ý quan trọng (từ các audio/video clips)	7.5

Kết quả phân tích dữ liệu thảo luận nhóm (focus group) cho thấy:

1. *Về các kết quả học tập mong đợi:* tất cả 10 nhóm đều chia sẻ ý kiến nhất trí là dự án Discovery đã giúp các em thu nhận thông tin mới thú vị về nhiều chủ đề hay, có cơ hội khám phá và tương tác trong quá trình chuẩn bị cũng như showcase trên lớp, sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế, thực hành chọn góc nhìn mới đối với vấn đề, và

phát triển nhiều kỹ năng phẩm chất như làm việc nhóm, tưởng tượng sáng tạo. Riêng với kết quả "xây dựng góc nhìn mới" các nhóm nhắc đến vai trò của giáo viên trong việc đồng hành, gợi mở và định hướng để các em có thể chọn một góc nhìn độc đáo.

2. *Về các khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình thực hiện dự án:* Một số nhóm nêu ý kiến về việc các em gặp phải chủ đề khó như "The Vietnam War" hay "Israel the start-up nation", hay nhóm làm về chủ đề "Coco and Despacito" thì các thành viên chưa xem phim Coco nên chỉ làm dựa trên đọc bình luận về phim. Đa số ý kiến về khó khăn đều liên quan đến việc chủ đề khó, tuy vậy các em đánh giá cao cơ hội được tìm hiểu, khám phá, đọc rộng về những chủ đề này. Điều này nằm trong dự đoán của giáo viên và cũng là mục đích của bài tập dự án.

3. *Về các đề xuất để dự án trở thành một trải nghiệm học tập hiệu quả hơn:* Các nhóm chia sẻ nhiều đề xuất hữu ích như "tăng giới hạn thời gian cho mỗi showcase (thay vì chỉ 30 phút); tập trung hơn nữa vào khía cạnh khám phá thay vì chỉ cung cấp thông tin; thêm bài tập viết bài nghiên cứu trình bày về chủ đề đã khám phá; các chủ đề cần tương đồng về độ khó; cần có quy định nhóm sau không được lặp lại format của nhóm trước". Như đã trình bày ở phần đầu của bài, chủ đề là do giáo viên chỉ định, và Discovery là bài tập không chấm điểm. Tuy vậy, có 4 nhóm đề xuất là sinh viên được tự chọn đề tài, hoặc giáo viên cung cấp 10 đề tài để sinh viên có thể chọn 5, và bài tập này cần được chấm điểm.

6. Thảo luận và đề xuất/kiến nghị

Bài tập Dự án Discovery đã nhận được phản hồi tích cực của sinh viên ngay trước khi triển khai dự án. Điều này có thể cho thấy những triết lý giáo dục chất lượng cao mà chúng tôi giới thiệu rất kỹ từ tuần Định hướng ở học kỳ 1, và thể hiện xuyên suốt qua những bài tập lớn trong học kỳ 1 đã có tác động tích cực trong việc tạo động lực cho người học, giúp họ xây dựng kỹ năng tự học, hiểu được tầm quan trọng của việc đọc rộng, phát triển tư duy suy xét để nhìn nhận đa chiều với những vấn đề đương đại, và hiểu được mối liên quan giữa việc học ngôn ngữ với việc thực hành sử dụng ngôn ngữ đó cho một mục đích giao tiếp có ý nghĩa thực sự.

Thay bằng việc học và thực hành ngôn ngữ trong những bối cảnh giả tưởng của văn hoá xã hội Anh-Mỹ, sinh viên có thể vừa thực hành sử dụng ngôn ngữ trong những bối cảnh văn hoá-xã hội, học thuật, và chuyên môn gần gũi thân thuộc với họ, nhưng không tách rời khỏi những dòng chảy toàn cầu, đồng thời rèn luyện những kỹ năng và xây dựng những phẩm chất cần thiết để tồn tại và phát triển trong thế kỷ 21. Tất cả những thành tố trong mô hình học tập của thế kỷ 21 như đã nêu trên đây, đều được hiện thực hoá trong hoạt động Dự án Discovery này: Critical thinking - Tư duy phê phán; Problem solving - Giải quyết vấn đề; Collaboration - Hợp tác; Innovation - Cách tân; Creativity - Sáng tạo; Communication - giao tiếp; Student-centered – Lấy người học làm trung tâm; Engaging - Lôi cuốn người học vào các hoạt động học tập; Inter-disciplinary - Liên ngành; và Contextual - Phù hợp bối cảnh.

Một điểm quan trọng cần được nhắc đến là việc Dự án Discovery chỉ là một hoạt động nằm trong chuỗi các hoạt động học tập mà bộ môn Chất lượng cao thiết kế và triển khai trong suốt 4 kỳ học nhằm giúp người học phát triển các kỹ năng mềm (transferable skills) và những phẩm chất cần thiết nhằm đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình. Vì thế những hoạt động học tập này bổ trợ lẫn nhau, chứ không phải riêng Discovery có thể giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như đã nêu trong nghiên cứu này. Có hai kỹ năng đặc thù nhất cho Discovery là "Sử dụng các dạng thuyết trình (showcase format) sáng tạo" và "Chọn góc nhìn".

Các đề xuất mà các nhóm đưa ra trong nghiên cứu này sẽ được chia sẻ với các giáo viên trong bộ môn, tuy nhiên việc giáo viên chỉ định đề tài và không đánh giá qua điểm số sẽ vẫn được duy trì, theo nguyên tắc đã chọn

khi thiết kế bài tập. Thông điệp này sẽ được giải thích rõ hơn trước khi bắt đầu triển khai dự án ở chu kỳ tiếp theo, để người học hiểu rõ lý do từ đó có động lực học tập tốt hơn.

7. Kết luận

Khi được hỏi *"điều gì em thích nhất ở dự án Discovery này"*, các nhóm sinh viên đã chia sẻ nhiều ý kiến khiến tôi, dù bản thân đã rất thích thú các phần showcase trên lớp, thêm yên tâm về việc đã thiết kế và triển khai dự án:

"lắng nghe những chủ đề rất thú vị; tự do sáng tạo và không bị áp lực điểm số; nhiều format vô cùng sáng tạo và ấn tượng; tuy không có điểm đánh giá nhưng vẫn rất hài lòng khi đã hoàn thành; nhìn một vấn đề từ nhiều góc độ; đóng nhiều vai khác nhau; dự án thực sự thách thức và buộc sinh viên phải nghĩ ra ngoài chiếc hộp; dự án khuyến khích sinh viên nghiên cứu sâu, tiếp cận với những điều chưa bao giờ nghĩ tới; cải thiện kỹ năng đọc…"

Trong cuốn "Bí mật của nước" của tác giả người Nhật Masaru Emoto, tác giả sách bán chạy do New York Times bình chọn, tôi rất tâm đắc với những quan sát tinh tế và sự liên tưởng tuyệt vời của tác giả, giữa việc không thể ngăn dòng chảy của nước vì như thế sẽ làm nước ô nhiễm trở thành nước chết, với việc không nên chặn dòng chảy của tư duy. Muốn tồn tại và phát triển hài hoà với thiên nhiên, đồng thời không đứng ngoài những dòng chảy của thời đại, mỗi nhà giáo dục cần giúp sinh viên khai mở những dòng chảy sáng tạo, tư duy vượt ra ngoài khuôn mẫu, hay "think outside the box" như bài học từ giáo dục Israel.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Emoto, M. (2017). *Bí mật của nước* (sách dịch, tái bản lần 6). Hà Nội: Thaihabooks.

Trương Nguyện Thành (2018). "Giáo sư quần đùi" nói về hệ điều hành của con người trong kỷ nguyên 4.0 (Hoàng Xuân ghi). *Tạp chí điện tử Kenh14.vn*. Truy cập từ http://kenh14.vn/lam-gi-khi-dang-ngoi-tren-chiec-xe-chay-toi-vuc-tham-20180119203852213.chn

Tiếng Anh

Anderson, C. & McCune, V. (2013). Facing an uncertain future: curricula of dualities. *Curriculum Journal, 24*(1), 153-168.

Andrews, J. & Higson, H. (2008). Graduate employability, 'Soft skills' versus "Hard business knowledge": A European study. *Higher Education in Europe, 33*(4), 411-422.

Curtis, D. (2001). More fun than a barrel of… worms?! *Edutopia.* Retrieved from http://www.edutopia.org/more-fun-barrel-worms. Curtis, D. (2002) The power of projects. *Educational leadership*, *60*(1), 50-53.

Fisher, S. (2000) Architectural aesthetics in the analytic tradition: a new curriculum, *Journal of Architectural Education, 54*(1), 35- 44.

Fullan, M. (2010). *All systems go.* Thousand Oaks, CA.: Corwin Press; Toronto: Ontario Principals Council.

Fullan, M. (2011). Whole System Reform for Innovative Teaching and Learning. *OISE seminar at University of Toronto*.

Harvey, L. (2000). New realities: The relationship between higher education and employment. *Tertiary Education and Management, 6*(1), 3-17.

Hernández - March, J., del Peso, M.M., Leguey, S. (2009). Graduates' Skills and Higher Education: The employers' perspective. *Tertiary Education and Management, 15*(1), 1-16.

Kanok-Nukulchai, W. (2017). *Challenges of the Fourth Industrial Revolution* (Keynote speech). *Dialogue 4.0* conference by the Asian Institute of Technology, Vietnam.

Nguyen, H. (2018). English language education in the Industrial revolution 4.0: meeting the needs of the dynamic labor market. Opening remarks. *VietTESOL convention*. Hanoi University of Industry, Hanoi, October 2018.

Tran, Q. T. & Swierczek, F. W. (2009). Skills development in higher education in Vietnam. *Asia Pacific Business Review*, *15*(4), 565-586. DOI: 10.1080/13602380802364175

Tran, T. T. (2013). Limitation on the development of skills in higher education in Vietnam. *Higher education*, *65*(5), 631-644.

Velasco, M. S. (2012). More than just good grades: candidates' perceptions about the skills and attributes employers seek in new graduates. *Journal of Business Economics and Management, 13*(3), 499-517.

World Economic Forum. (2016). *The future of jobs*. Retrieved from http://www3.weforum.org/docs/WEF_Future_of_Jobs.pdf

Yamburg, Y.R. (2017). *Innovative education* (Keynote speech). MASHAV training program for Vietnamese educators and educational leaders.

FROM AN EXPERIMENTAL PROJECT - DISCOVERY - FOR STUDENTS OF THE FAST-TRACK PROGRAM AT FACULTY OF ENGLISH LANGUAGE TEACHER EDUCATION: APPLYING FUTURISTIC APPROACH TO EDUCATION

Nguyen Thu Le Hang

Faculty of English Language Teacher Education, VNU University of Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: This article reports on an experimental project for first year students of the Fast-track program, Faculty of English Language Teacher Education, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. This project is designed and implemented based on the conceptual framework of the 21st century learning model, with Futurism as underlying approach. The article shares the initial findings at the Pre-project stage, regarding learners' interest and expected investment, required generic skills and competences, as well as expected learning outcomes.

Keywords: Futurism/Futuristic approach, 21st century learning, global competences

PHỤ LỤC 1: CÔNG CỤ THU THẬP SỐ LIỆU (PHIẾU ĐIỀU TRA TRƯỚC VÀ SAU DỰ ÁN, BẢNG CÂU HỎI PHỎNG VẤN NHÓM FOCUS GROUP)

PRE-PROJECT FEEDBACK

E21 and E22 please provide your initial feedback on the Discovery Project. Thank you very much for your assistance ☺

1. Your level of interest in this project:

Not at all	Not much	Average	Much	Very much

2. Your expectation of the investment (time and effort) needed for this project:

Not at all	Not much	Average	Much	Very much

3. The generic skills required for this project (pls tick what appropriate):

1. Critical thinking	
2. Extensive reading	
3. Positioning perspective	
4. Taking side in a potential debate	
5. Information searching	
6. Movie making	
7. Slide designing	
8. Teamwork/ collaboration	

9. Problem solving and Decision making	
10. Time management	
11. Communication skills: giving/receiving feedback, emails/group chat…	
Your idea:	

4. Your expected learning outcomes (pls tick what appropriate):

1. Getting new/updated knowledge about a certain topic	
2. Developing new perspective(s) about a certain topic	
3. Enhancing collaborative learning and discovery learning	
4. Using technology for learning/language learning	
Your idea:	

POST-PROJECT FEEDBACK

E21 and E22 please provide your feedback on the Discovery Project. Thank you very much for your assistance ☺

1. The generic skills required for this project (pls tick what appropriate):

Skills	Applied	Applied with difficulty	Applied and improved
Critical thinking			
Extensive reading			
Positioning perspective			
Taking side in a potential debate			
Information searching			
Information processing: sorting, classifying, screening			
Movie making			
Slide designing			
Teamwork/ collaboration			
Problem solving and Decision making			
Time management			
Communication skills: giving/receiving feedback, emails/group chat…			
Giving creative types of presentation, e.g., role-play, talkshow, exhibition…			
Taking notes of new information (listening inputs)			
Your additional ideas			

2. What do you like most about this project?

……
……
……
……....

3. Please provide suggestions for further improving the conduct of this project:

……
……
……
……

FOCUS GROUP INTERVIEW

1. What is your general assessment of this learning project? Did you enjoy doing it?

2. What are the main difficulties that your group faced in the preparation and showcase of the project? How did you overcome these difficulties?

3. What do you like best about the project?

4. What are your suggestions for improving the conduct of the project?

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN DISCOVERY - PHỤ LỤC 6 TRONG BẢN ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

APPENDIX 6: THEMATIC DISCOVERY PROJECT

This is a group activity for leisure and under no formal assessment. Yet, the contribution will be duly recognised, and bonus will be given to make up for other under-performed tasks, if applicable.

Step 1. The students can choose who to work with, to form groups of at least 3 members.

Step 2. Each group is given one topic under the weekly theme of their turn. The topics are assigned by the teacher.

Step 3. The group search for information and develop a report in form of a presentation, or a play, or a TV show… to present their project outcome.

Step 4. The groups take turn to showcase their product for maximum 20 minutes, followed by a 5-10 minute Q&A session.

The objectives of this activity are:

1. Students practise reading and listening extensively and thus gather useful background knowledge on various themes;

2. Students practise using language communicatively for meaningful purposes, since authenticity is brought into the classroom.

3. Students develop their critical thinking and international perspectives.